I. Những nét chính về tác giả Nguyễn Du

1. Thời đại

- Nguyễn Du sinh ra và lớn lên trong một thời đại lịch sử (cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX) đầy những biến động dữ dội.

+ Chế độ phong kiến rơi vào khủng hoảng sâu sắc, mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt, các tập đoàn phong kiến tranh giành quyền lực dẫn đến Lê - Trịnh suy tàn.

+ Phong trào nông dân nổ ra khắp nơi, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, đã đánh đổ các tập đoàn phong kiến thống trị và đánh tan hai mươi vạn quân xâm lược nhà Thanh.

+ Nhà Tây Sơn tồn tại khoảng 24 năm thì sụp đổ, nhà Nguyễn lên trị vì.

 Tất cả những biến động đó đã ảnh hưởng lớn đến cuộc đời và con người của Nguyễn Du.

2. Tác giả Nguyễn Du

a. Cuộc đời

- Nguyễn Du (1765 - 1820), tên chữ Tố Như, hiệu Thanh Hiên. Quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

- Ông xuất thân trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống hiếu học.

+ Cha ông là Nguyễn Nghiễm, từng làm tể tướng 15 năm.

+ Anh trai cùng cha khác mẹ - Nguyễn Khản cũng làm đến chức Tham Tụng (ngang với Tể Tướng).

- Ông sinh ra và lớn lên ở kinh đô Thăng Long sầm uất, phồn hoa, đô thị.

 Ngay từ rất sớm Nguyễn Du đã được tiếp nhận một nền giáo dục tiến bộ của thời đại, cũng như kế thừa được truyền thống văn hóa thi thư của gia đình.

- Song tuổi thơ của Nguyền Du không hẳn là bình yên, êm ả mà trái qua khá nhiều những thăng trầm, mất mát.

+ Năm 10 tuổi ông mồ côi cha.

+ Năm 12 tuổi ông tuổi mồ côi mẹ.

+ Nguyễn Du phải sống cùng người anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản.

- Do những xoay vần, biến động dữ dội của lịch sử, gia đình Nguyễn Du cũng sớm rơi vào sa sút.

+ Khi triều Lê - Trịnh sụp đổ, nhà Tây Sơn lên thay, Nguyễn Du phải phiêu bạt 10 năm nơi đất Bắc (10 năm gió bụi), rồi về ở ẩn tại Hà Tĩnh. Đây là những năm tháng ông sống trong cảnh nghèo đói, túng bấn và tủi nhục.

+ Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi, Nguyễn Du bất đắc chí phải ra làm quan và giữ nhiều trọng trách quan trọng. Ông hai lần được cử làm chánh sứ sang Trung Quốc nhưng lần thứ hai, chưa kịp đi thì lâm bệnh nặng rồi mất tại Huế năm 1820.

 Cuộc đời Nguyễn Du kinh qua đầy những thăng trầm, biến động. Song, tất cả góp phần tạo nên dấu ấn cho những tác phẩm nổi tiếng và có giá trị sâu sắc của ông.

b. Con người

- Nguyễn Du là người thông minh, tài trí, có hiểu biết sâu rộng, có vốn sống phong phú, lại sinh ra và lớn lên ở những nơi được coi là cái nôi văn hóa của đất nước.

- Sớm phải chịu cảnh mồ côi, nên cuộc đời ông trải qua nhiều gian truân, trôi dạt, long đong. Đặc biệt là “mười năm gió bụi”, được tiếp xúc với nhiều kiểu người, chứng kiến nhiều cảnh đời và nhiều số phận khác nhau. Chính những vốn sống thực tế phong phú và niềm cảm thông sâu sắc đó đã tạo cho ông cảm hứng để sáng tác nên nhiều tác phẩm văn học giá trị.

- Truyền thống thi thư của gia đình đã cho ông nàng khiếu văn chương. Nhưng hơn tất cả, Nguyễn Du còn là người có một trái tim giàu yêu thương và một tầm hồn nhạy cảm, tinh tế luôn cảm thông cho những đau thương, cực khổ của nhân dân.

- Ông là người thanh liêm và có nhân cách sống cao thượng. Trước tình hình rối ren, nhũng nhiễu của bọn quan lại, chỉ biết vinh thân phì gia, ông đã hết sức khinh bỉ.

c. Sự nghiệp văn chương

- Nguyễn Du - Đại thi hào của dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn, ông đã có đóng góp to lớn đối với sự phát triển của văn học dân tộc.

- Sự nghiệp vàn chương của Nguyễn Du gồm những tác phẩm được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm và đều đạt đến trình độ cổ điển.

+ Các tập thơ chữ Hán: Có 3 tập, gồm 243 bài: Thanh Hiên thi tập; Nam trung thi tập; Bắc hành tạp lục.

+ Các tác phẩm chữ Nôm: Có 2 kiệt tác: Văn tế thập loại chúng sinh và Đoạn trường tán thanh (“Truyện Kiều”).

 Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du không phải quá đồ sộ về mặt số lượng, song nó đã kết tinh được những tinh hoa văn hóa thời đại để trở thành đỉnh cao của văn học dân tộc nói riêng và nhân loại nói chung.

II. Những nét chính về tác phẩm “Truyện Kiều”

1. Nguồn gốc và sự sáng tạo của Nguyễn Du

- “Truyện Kiều” được Nguyễn Du viết vào khoảng đầu thế kỉ XIX (1805 - 1809). Nó là tác phẩm tiêu biểu nhất của thể loại thơ Nôm được viết bằng thơ lục bát, gồm 3254 câu.

- “Truyện Kiều” có nguồn gốc từ một truyện bên Trung Quốc: “Kim Vân Kiều Truyện” của tác giá Thanh Tâm Tài Nhân - một tác phẩm văn xuôi viết chữ Hán, có kết cấu chương hồi. Lúc đầu truyện có tên là “Đoạn trường tân thanh” (Tiếng kêu mới về nỗi đau đứt ruột).

- Với cảm hứng nhân đạo cao cả và xuất phát từ thực tế cuộc sống, xã hội, con người Việt Nam, Nguyễn Du đã có những sáng tạo độc đáo cho tác phẩm. Phần sáng tạo của Nguyễn Du là hết sức to lớn: viết nên một tác phẩm trữ tình bằng chữ Nôm; sử dụng thể thơ của dân tộc; nghệ thuật phân tích tâm lí nhân vật tài tình;...

 “Truyện Kiều” xứng đáng là đỉnh cao của văn học dân tộc, là tinh hoa văn hóa ánh mãi ngàn đời. Và đúng như Giáo sư Đào Duy Anh viết: “Nếu Nguyên Trãi với “Quốc âm thi tập" là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học dân tộc thì Nguyễn Du với “Truyện Kiều” lại là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học hiện đại của nước ta”.

2. Tóm tắt

a. Phần thứ nhất: Gặp gỡ và đính ước.

 Gia đình Vương viên ngoại thuộc tầng lớp trung lưu có ba người con: Thúy Kiều, Thúy Vân và Vương Quan. Thúy Kiều là chị, nàng nổi tiếng là người con gái tài sắc vẹn toàn. Trong buổi du xuân nhân tiết thanh minh, nàng gặp Kim Trọng - một con người hào hoa, phong nhã. Giữa hai người nhanh chóng nảy sinh những tình cảm tốt đẹp. Sau đó, hai người chủ động thề nguyện đính ước nguyện chung thủy với nhau suốt đời.

b. Phần thứ hai: Gia biến và lưu lạc

 Đúng lúc đó, Kim Trọng phải về quê chịu tang chú, gia đình Kiều bị mắc oan. Nàng phải dứt tình với Kim Trọng, bán mình cứu cha và em. Nàng rơi vào tay Mã Giám Sinh, Tú Bà, bọn trùm lầu xanh. Đau khổ, Kiều tự vẫn nhưng không thành rồi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích. Nàng bị Sở Khanh lừa, bị bắt, bị đánh đập và phải chịu tiếp khách làng chơi. Nàng gặp Thúc Sinh, một người buôn bán giàu có, chuộc nàng về làm vợ lẽ. Nhưng nàng lại bị Hoạn Thư bày mưu bắt về đánh đập, bắt làm con ở để hầu đàn, hầu rượu. Kiều lại bỏ trốn khỏi nhà Hoạn Thư và nương nhờ nơi cửa Phật. Song sư Giác Duyên lại vô tình gửi nàng cho Bạc Bà – kẻ buôn người, để lần thứ hai Kiều lại rơi vào lầu xanh. Lần này Kiều gặp Từ Hải, người anh hùng trí dũng song toàn. Nhờ uy Từ Hải, Kiều đã báo được ân, trả được oán. Chẳng bao lâu, Từ Hải mắc mưu Hồ Tôn Hiến mà chết. Kiều bị làm nhục, bị ép gả cho Thổ Quan. Quá tủi cực, Kiều tự vẫn ở sông Tiền Đường nhưng được Giác Duyên cứu sống và lần thứ hai nàng nương nhờ cửa Phật.

c. Phần thứ ba: Đoàn tụ

 Sau khi đỗ đạt làm quan, Kim Trọng đã cất công ròng rã đi tìm Kiều. Đến sông Tiền Đường, biết nàng tự vẫn, Kim Trọng đã lập đàn giải oan cho nàng. Tình cờ sư Giác Duyên đi qua mà Kim, Kiều tìm được nhau và đoàn tụ với gia đình.

3. Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật

3.1. Giá trị nội dung

a. Giá trị hiện thực

- Truyện Kiều là bức tranh hiện thực sinh động về một xã hội bất công, tàn bạo. Nơi mà các tầng lớp thống trị và các thế lực hắc ám sẵn sàng chà đạp lên quyền sống của con người.

+ Đó là một xã hội đảo điên, nơi mà đồng tiền lên ngôi và có giá trị vạn năng. Trong tác phẩm, đã 17 lần Nguyễn Du tập trung để nói về sự hung hiểm, hai mặt của đồng tiền, trong đó có thể kể đến câu: “Trong tay đã có đồng tiền/ Giàu lòng đổi trắng thay đen khó gì?”...

+ Đó là một xã hội đầy rẫy nhưng kẻ lưu manh, côn đồ, đội lốt người để ức hiếp, bóc lột, chà đạp không thương tiếc lên nhân phẩm của những người hiền lành, lương thiện: Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Bạc Bà, Bạc Hạnh, Hồ Tôn Hiến, Hoạn Thư, Ưng Khuyển,...

+ Đó là xã hội mà bọn quan lại ngang ngược, tham lam, lật lọng, là nguồn gốc cho mọi sự xấu xa, bất công, bỉ ổi: Tổng đốc Đại thần Hồ Tôn Hiến, đại diện cho triều đình, nhưng lại hèn hạ, phản trắc, lừa giết một người đã quy hàng (Từ Hải).

+ Đó là một xã hội không có công lí, pháp luật hay sự công bằng. Nó dễ dàng bị đồng tiền mua chuộc, dễ dàng đổi trắng thay đen và tiếp tay cho mọi sự xấu xa hoành hành: Gia đình Kiều bị đổ oan, bị bắt bớ, tra tấn nhưng công lí chỉ xuất hiện khi “Có ba trăm lạng việc này mới xong”.

- “Truyện Kiều” còn là bức tranh hiện thực về số phận những con người bị chà đạp, áp bức, đau khổ, đặc biệt là bi kịch của người phụ nữ thông qua nhân vật Thúy Kiều.

+ Bị tước đoạt những quyền cơ bản nhất của con người: Quyền được yêu, quyền được sống, quyền được hưởng hạnh phúc gia đình.

+ Nhân phẩm bị chà đạp một cách thô bạo và tàn nhẫn: Kiều bị coi như một món hàng, có thể mua đi bán lại và bị đánh đập tàn nhẫn: “Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần” là sự tổng kết đau đớn về cuộc đời Kiều sau 15 năm đoạn trường.

b. Giá trị nhân đạo

Đây là giá trị cơ bản của tác phẩm, được thể hiện trên các phương diện sau:

- “Truyện Kiều” là tiếng nói đề cao tình yêu tự do, khát vọng công lí và ca ngợi phẩm chất cao đẹp của con người.

+ Thể hiện ước mơ đẹp đẽ về một tình yêu tự do, hồn nhiên, trong sáng, thủy chung trong một xã hội mà quan niệm về tình yêu và hạnh phúc gia đình còn khắc nghiệt: Kim Trọng và Thúy Kiều đã dám bước qua bức tường phong kiến kiên cố để tiến đến một tình yêu tự do: họ gặp gỡ và chủ động thề nguyền, đính ước.

+ Thế hiện khát vọng về một xã hội công bàng, dân chủ, tự do không còn bất công, tù túng, ngột ngạt: Người anh hùng Từ Hải chính là đại diện cho khát vọng tự do, công lí đã dám đứng lên để chống lại cá một xà hội cũ kĩ, thối nát, tàn bạo.

+ Ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người: vẻ đẹp của tài sắc, trí thông minh, sự chung thủy, lòng hiếu thảo, đức vị tha... mà Thúy Kiều, Kim Trọng, Từ Hải là hiện thân cho những vẻ đẹp đó.

- “Truyện Kiều” là tiếng nói xót thương, cảm thông với nỗi đau khổ của con người mà đặc biệt là người phụ nữ: Trước hết là ông dành cho Thúy Kiều bằng cái lòng cảm thương sâu sắc nhất; sau đó là ông dành cho tất cả những người phụ nữ trong xã hội phong kiến niềm cảm thương lớn lao: "Đau đớn thay phận đàn bà/ Lời răng bạc mệnh cũng là lời chung”.

- “Truyện Kiều” là tiếng nói tố cáo, lên án chế độ phong kiến, các thế lực xấu xa, tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người.

 “Truyện Kiều" đã truyền tải được những tư tưởng nhân đạo sâu sắc, tiến bộ và giàu tính chiến đấu để xứng đáng trở thành kiệt tác ngàn đời.

3.2 Giá trị nghệ thuật

“Truyện Kiều” là sự kết tinh của những thành tựu văn học dân tộc trên các phương diện:

a. Nghệ thuật tự sự có bước phát triển vượt bậc: Nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật tả cảnh.

• Nghệ thuật kể chuyện đa dạng: Trực tiếp (lời nhân vật), gián tiếp (lời tác giả), nửa trực tiếp (lời tác giả nhưng mang suy nghĩ, giọng điệu nhân vật).

• Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Hệ thống nhân vật phong phú, đa dạng với cách xây dựng nhân vật điển hình, có tính cách riêng độc đáo, sinh động.

- Miêu tả ngoại hình nhân vật bằng thủ pháp nghệ thuật:

+ Nhân vật chính diện xây dựng theo lối lí tưởng hóa bằng thủ pháp ước lệ: Miêu tả nhân vật Thúy Vân, Nguyễn Du viết: “Vân xem trang trọng khác vời/Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang”; còn nhân vật Từ Hải: “Râu hùm, hàm én, mày ngài/ Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao”.

+ Nhân vật phản diện được xây dựng theo lối hiện thực bằng biện pháp cụ thể: Miêu tả nhân vật Tú Bà, Nguyễn Du viết: “Thoắt trông nhờn nhợt màu da/ Ăn gì cao lớn đây đã làm sao?”.

- Miêu tả ngoại hình để tái hiện lên tính cách nhân vật:

+ Ngoại hình Thúy Vân: “Vân xem trang trọng khác vời/Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang" gợi lên sự trầm tĩnh, dịu dàng, đoan trang, quý phái.

+ Ngoại hình Thúy Kiều: “Làn thu thủy nét xuân sơn/ Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh" gợi một tâm hồn qua đôi mắt đa sầu, đa cảm.

- Miêu tả ngoại hình để tiên đoán về số phận nhân vật:

+ Miêu tả Thúy Vân: “Hoa cười ngọc thốt đoan trang/ Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da" đã tiên đoán về một cuộc đời êm đềm, ít sóng gió.

+ Miêu tả Thúy Kiều: “Làn thu thủy nét xuân sơn/ Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh" cho thấy sự hậm hực, “ghen", “hờn" cua tạo hóa trong câu thơ đã dự báo một cuộc đời đầy sóng gió, gian truân phía trước đang chờ Kiều.

- Miêu tả ngôn ngữ, hành động để gợi tính cách nhân vật:

+ Miêu tả Từ Hải: “Quyết lời dứt áo ra đi/ Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi", hành động dứt khoát, mạnh mẽ của một đấng trượng phu.

+ Miêu tả Mã Giám Sinh: “Ghế trên ngồi tót sỗ sàng", hành động huênh hoang, thô lỗ, hợm hĩnh của “quân buôn thịt, bán người".

- Miêu tả nhân vật qua diễn biến nội tâm: Tâm trạng cô đơn, buồn tủi của Kiều trước lầu Ngưng Bích: “Buồn trông cửa bể chiều hôm/ Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”...

\* Nghệ thuật tả cảnh độc đáo

- Nghệ thuật tả cảnh thiên nhiên:

+ Tả cảnh thiên nhiên bằng các chỉ tiết tạo hình: “Ngày xuân con én đưa thoi/ Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi”.

+ Tả cảnh thiên nhiên bằng cách điểm nhấn: Chỉ tả một vài chi tiết đặc sắc nhưng vẽ lên một khung cảnh tuyệt đẹp: “Cỏ non xanh tận chân trời/ Cành lê trăng điểm một vài bông hoa”.

+ Tả cảnh thiên nhiên trong những thời gian và không gian khác nhau: “Tà tà bóng ngả về tây/ Chị em thơ thẩn dan tay ra về”.

- Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình:+ Mượn và tả cảnh thiên nhiên để nói lên tâm trạng, cảm xúc của nhân vật: “Buồn trông gió cuốn mặt duềnh/ Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi".

+ Khung cảnh thiên nhiên được tả qua tâm trạng của nhân vật: “Buồn trông nội cỏ rầu rầu/ Chân mây mặt đất một màu xanh xanh".

b. Nghệ thuật ngôn từ và thế loại đạt đến đỉnh cao

- Ngôn từ “Truyện Kiều" là ngôn ngữ tinh hoa của dân tộc nên trong sáng, mĩ lệ và dồi dào sắc thái biểu cảm.

- Ngôn ngữ “Truyện Kiều" không chỉ có chức năng biểu đạt (phản ánh), biểu cảm (bộc lộ cảm xúc) mà còn có chức năng thẩm mĩ (vẻ đẹp của ngôn từ).

- Ngôn ngữ “Truyện Kiều" kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ bình dân và ngôn ngữ bác học, tạo thành thứ ngôn ngữ thơ ca vừa hàm súc vừa trang nhã, giản dị.

- Sử dụng thể thơ lục bát - thể thơ của dân tộc Việt Nam đã đạt đến đỉnh cao.

 “Truyện Kiều” xứng đáng trở thành kiệt tác số một, là “quốc hồn quốc túy" của nền văn học dân tộc.

II. Tổng kết

- Nguyễn Du là một thiên tài văn học, một bậc thầy về nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Ông đã có đóng góp to lớn đối với sự phát triển của ngôn ngữ dân tộc.- “Truyện Kiều” đạt đến đỉnh cao về mặt nghệ thuật để xứng đáng là kiệt tác của muôn đời.